CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long

Ngày 28/06/2024	20,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	40.0%	**50.3%**	**107.5**

DT thuần
Q2/24
143
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 79.2| 124%
YoY: ▲ 22.0| 18.1%

LN thuần
Q2/24
8.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.83| 807%
YoY: ▲ 6.88| 358%

LN sau thuế
Q2/24
10.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.20| 316%
YoY: ▲ 6.63| 159%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
9.8%
YoY: +/-▲ 4.1%

ROE (TTM)
Q2/24
20.9%
YoY: +/-▲ 4.3%

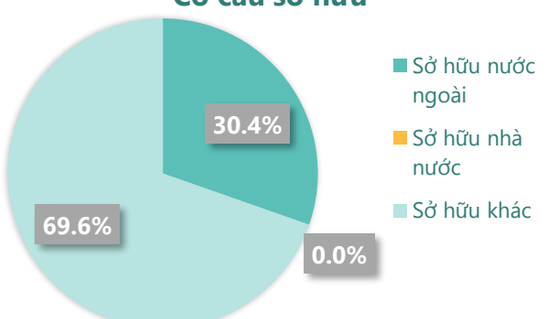
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,229 - 17,946
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	245
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,115
Sở hữu nước ngoài	30.4%
Beta	0.19
EPS	3,827
P/E	5.3

DT thuần
6T 2024
207
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.0| -7.7%

LN thuần
6T 2024
9.77
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.96| 441%

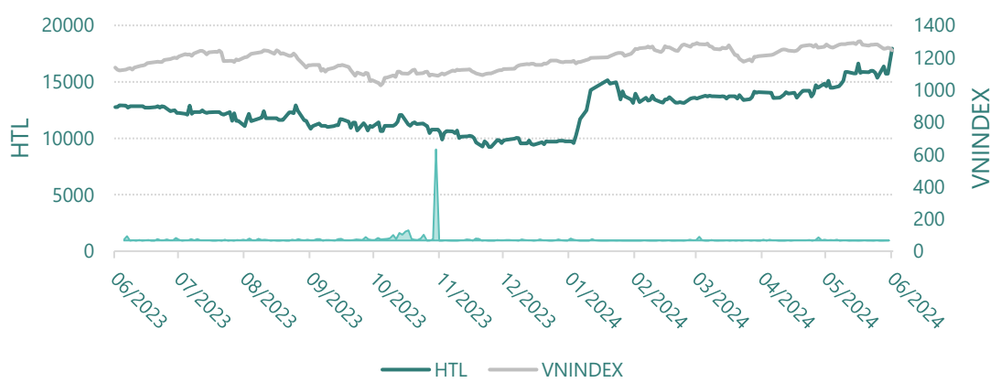
LN sau thuế
6T 2024
13.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.96| 108%

Cơ cấu sở hữu

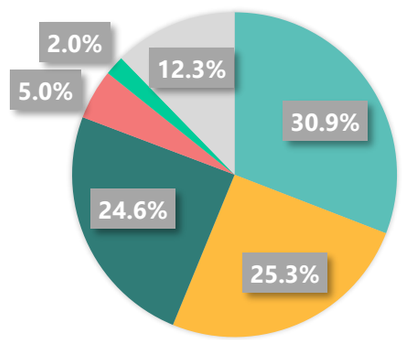


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

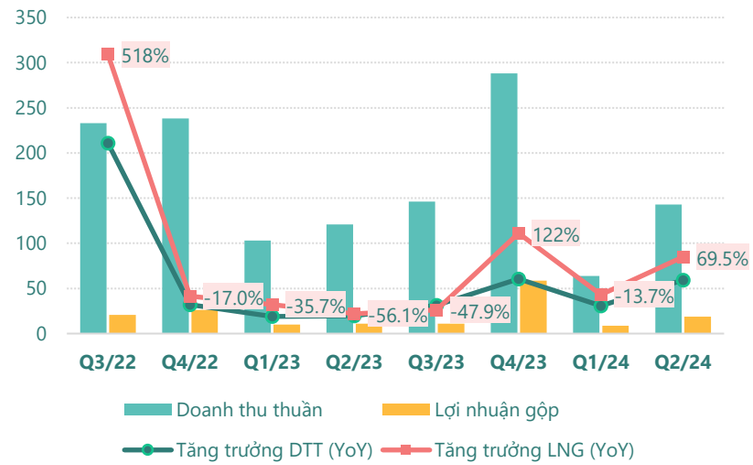


- Lã Văn Trường Sơn (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Kiều Diễm (Chủ tịch HĐQT)
- Chairatchakarn (Bangkok) Co., Ltd
- Aichi Hino Motor Co.,Ltd
- Lã Thị Thanh Phương (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

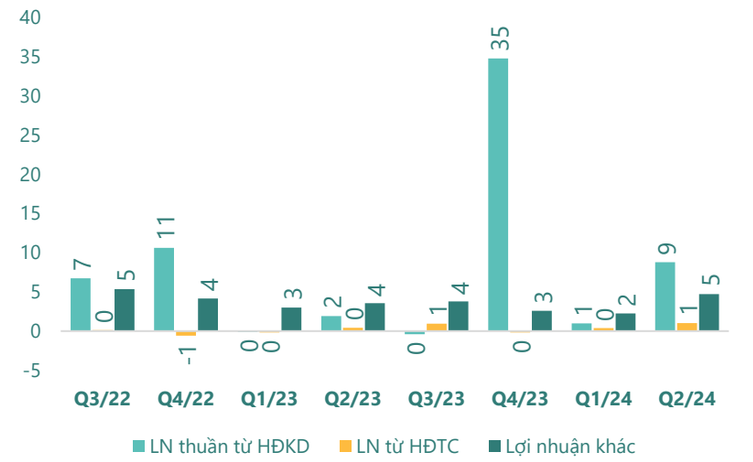
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



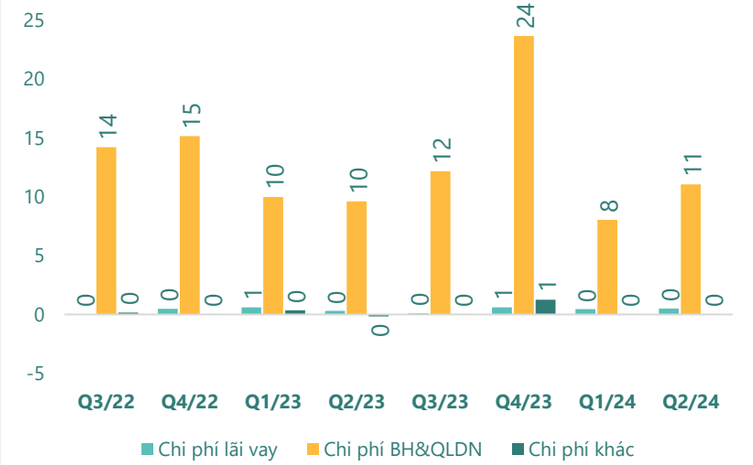
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



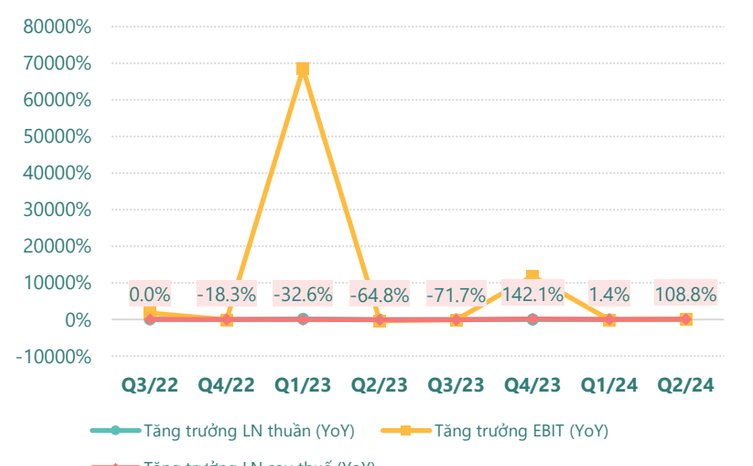
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



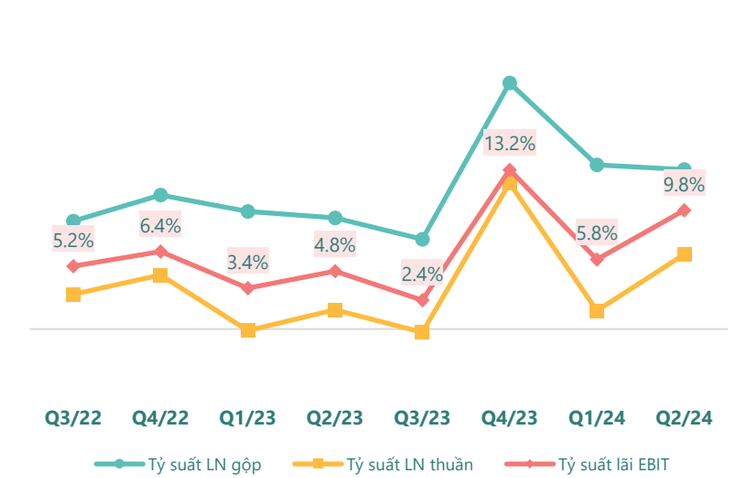
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



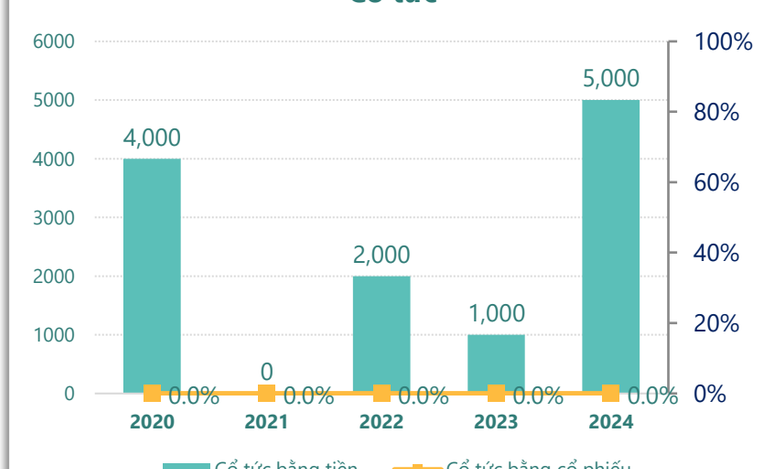
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

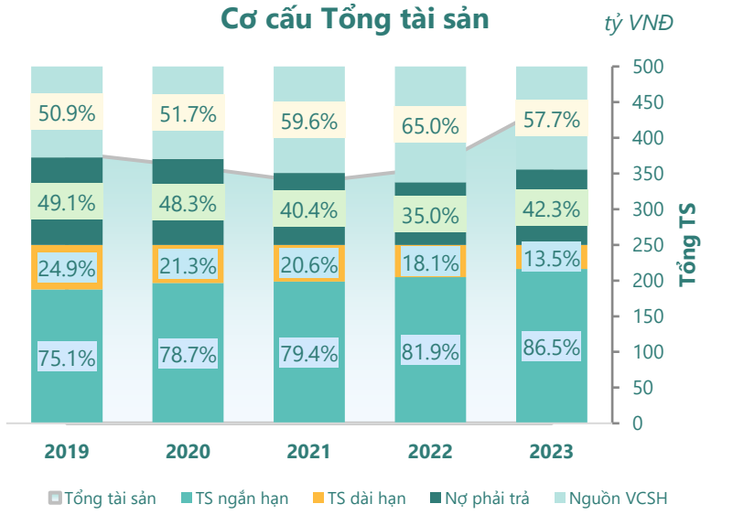
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

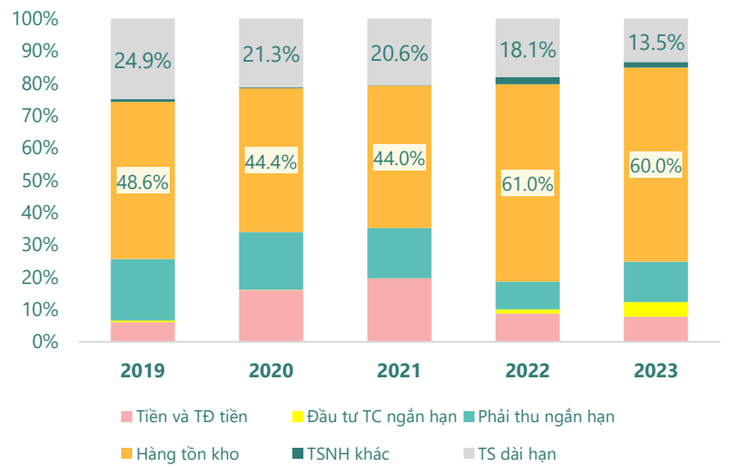
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



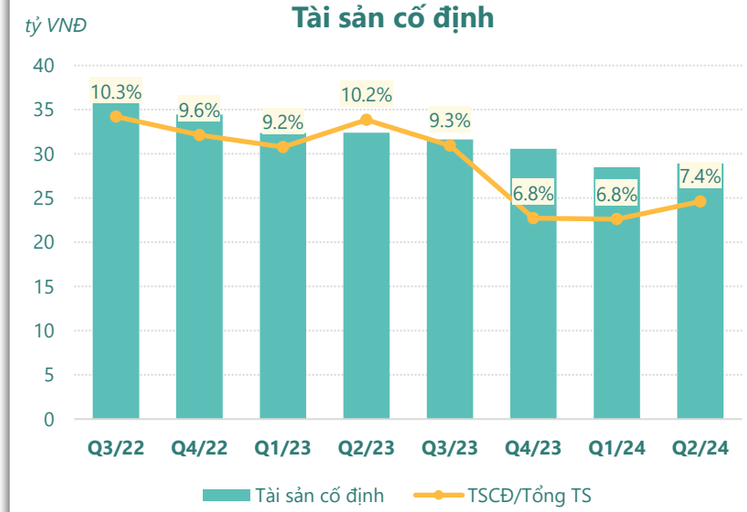
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



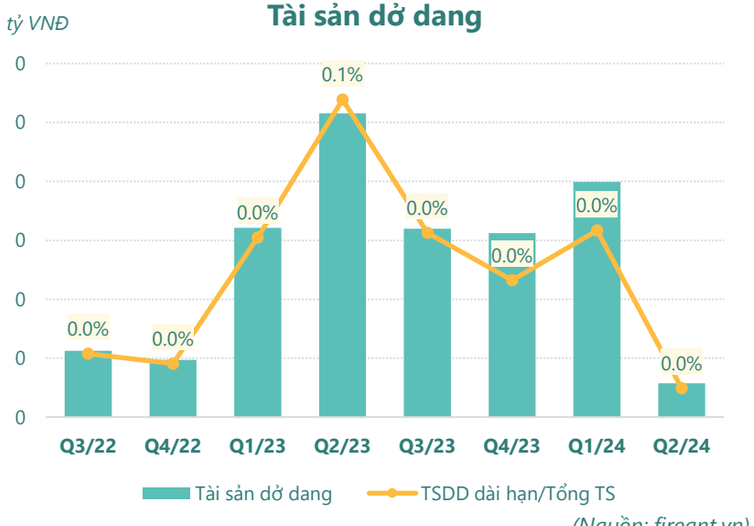
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



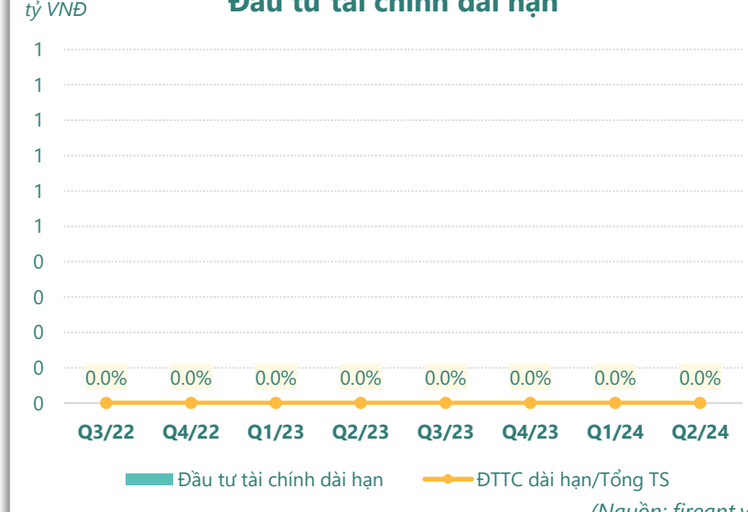
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



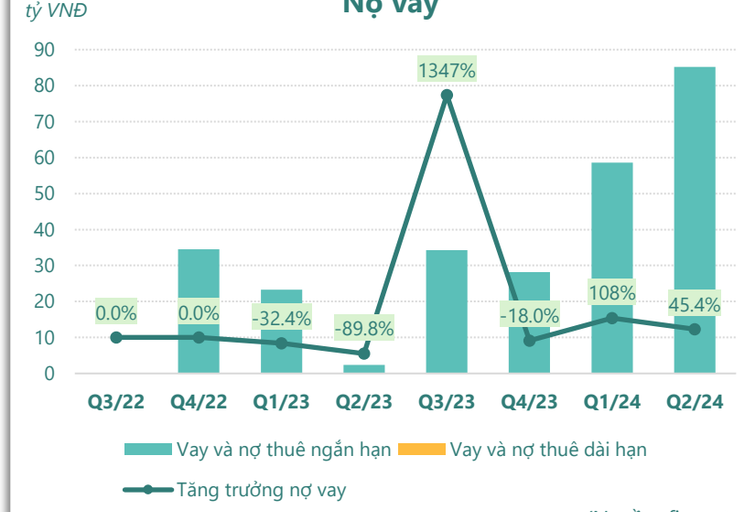
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

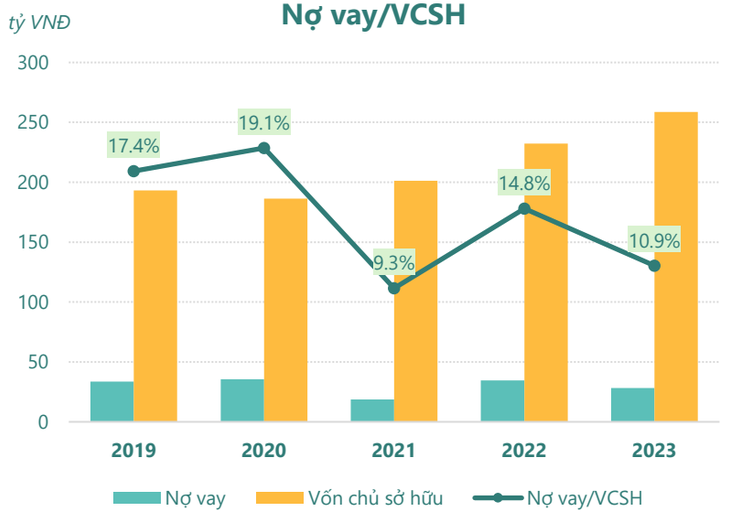
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

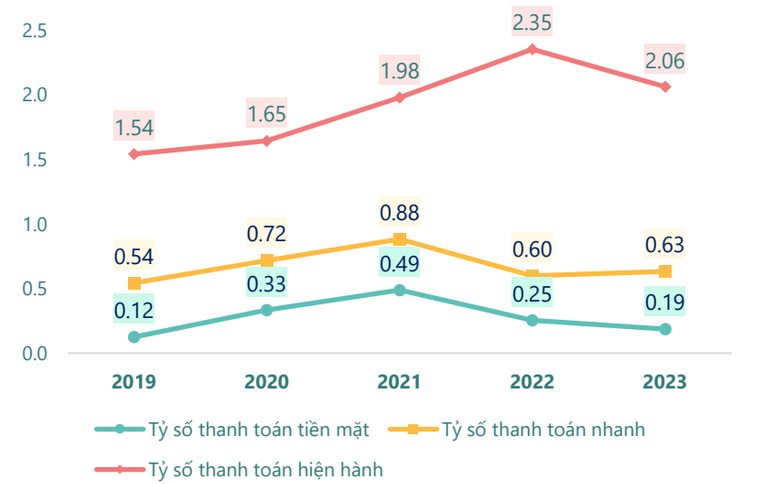
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



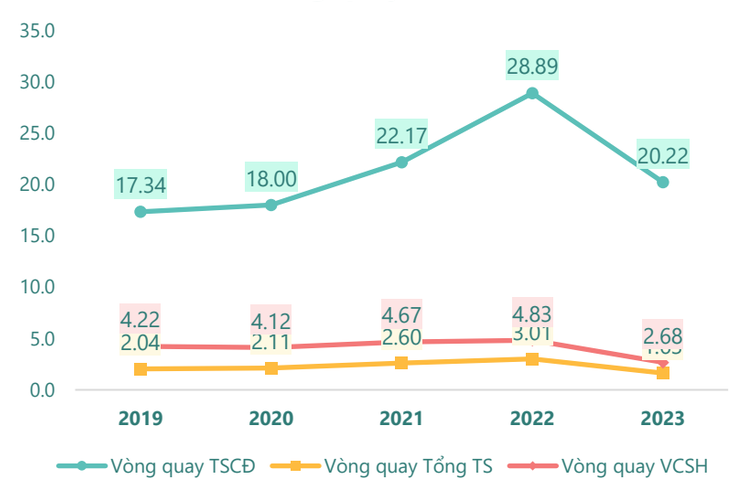
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



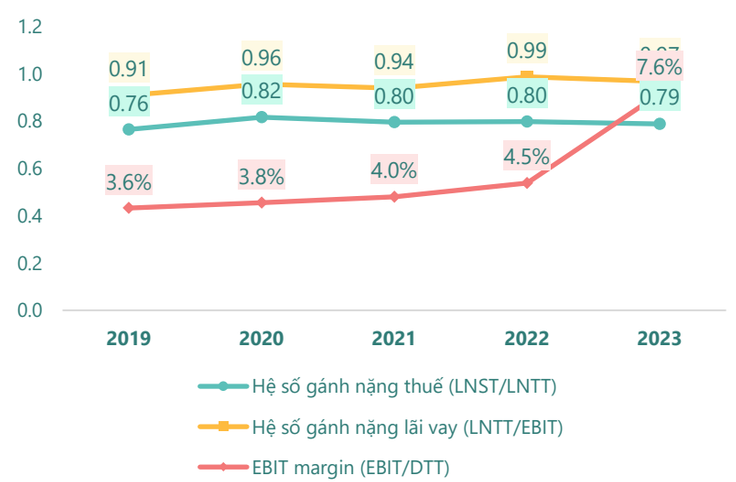
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



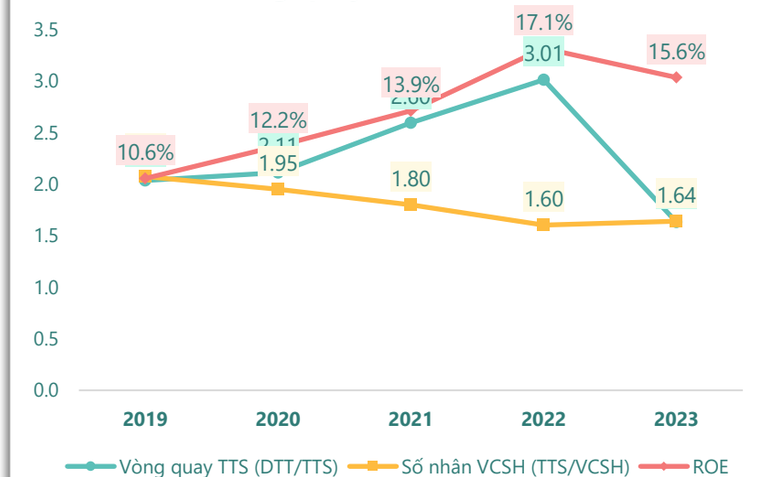
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



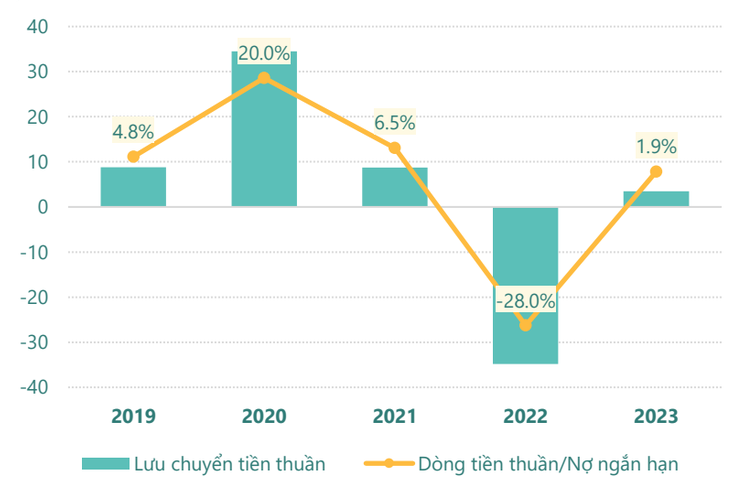
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**143**	**121**	**18.1%**	**207**	**224**	**-7.7%**
Giá vốn hàng bán	124	110	12.8%	179	203	-11.7%
Lợi nhuận gộp	18.8	11.1	69.7%	27.5	21.1	30.0%
Doanh thu HĐTC	1.54	0.74	108%	2.35	1.18	100%
Chi phí TC	0.53	0.31	69.5%	0.98	0.90	7.9%
Chi phí lãi vay	0.50	0.30	65.9%	0.94	0.90	5.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.09	4.96	22.7%	10.3	10.1	1.9%
Chi phí QLDN	**4.97**	**4.66**	**6.6%**	**8.78**	**9.48**	**-7.3%**
LN thuần từ HĐKD	8.80	1.92	358%	9.77	1.81	441%
Lợi nhuận khác	**4.72**	**3.54**	**33.5%**	**6.97**	**6.54**	**6.6%**
LN trước thuế	13.5	5.46	148%	16.7	8.35	101%
Lợi nhuận sau thuế	**10.8**	**4.17**	**159%**	**13.4**	**6.44**	**108%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.8**	**4.17**	**159%**	**13.4**	**6.44**	**108%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.25	41.6	-29.8	31.9	-52.8	16.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.32	-1.68	8.48	-19.0	21.3	-31.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.2	-32.9	31.9	-6.17	30.4	4.24
Tiền đầu kỳ	31.5	10.8	17.7	28.3	35.0	34.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-20.7**	**6.94**	**10.6**	**6.71**	**-1.04**	**-10.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.8	17.7	28.3	35.0	34.0	23.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**392**	**448**	**-12.6%**
Tài sản ngắn hạn	334	388	-13.9%
Tiền và tương đương tiền	23.7	35.0	-32.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.2	20.2	49.6%
Phải thu ngắn hạn	34.2	56.0	-38.9%
Hàng tồn kho	242	269	-10.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.94	7.86	-49.9%
Tài sản dài hạn	**57.7**	**60.3**	**-4.4%**
Phải thu dài hạn	0	0.03	-100%
Tài sản cố định	28.9	30.6	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.03	0.16	-81.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**28.7**	**29.5**	**-2.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	180	189	-5.2%
Nợ ngắn hạn	**179**	**188**	**-4.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	85.2	28.1	203%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.4	72.4	-59.3%
Nợ dài hạn	0.76	1.45	-47.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**212**	**259**	**-18.1%**
Vốn chủ sở hữu	**212**	**259**	**-18.1%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)